

Bộ, tỉnh: Gia Lai
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở y tế
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trung tâm y tế An Khê
Mã đơn vị: 1029970
Loại hình đơn vị: Sự nghiệp

Mẫu số 09c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC
NĂM 2025

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Xe ô tô													
1	Xe cứu thương		1	674.145		674.145	0			x				
2	Xe cứu thương		1	1.450.000		1.450.000	1.159.855			x				
3	Xe cứu thương		1	1.295.500		1.295.500	1.036.270			x				
II	Tài sản cố định khác									x				
1	HÀNG RÀO KHU XỬ LÝ RÁC THẢI - BLOC		1	122.369	122.369		97.895			x				
2	Vật kiến trúc dự phòng		1	99.894	99.894		17.481			x				
3	HỆ THỐNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG SÂN VƯỜN - BLOC		1	511.168	511.168		408.934			x				
4	HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC - BLOC		1	178.687	178.687		142.950			x				
5	PHÒNG MỒ- BLOC		1	287.086	287.086		229.669			x				
6	NHÀ ĐỂ THIẾT BỊ XỬ LÝ RÁC THẢI- BLOC		1	282.302	282.302		225.842			x				
7	NHÀ VỆ SINH - BLOC		1	637.706	637.706		510.165			x				
8	NHÀ ĐỂ XE - BLOC		1	448.404	448.404		358.723			x				
9	CẦU NỘI - BLOC		1	636.747	636.747		509.398			x				
10	BỂ NƯỚC PCCC - BLOC		1	637.157	637.157		509.726			x				
11	SÂN BÊ TÔNG - BLOC		1	208.605	208.605		166.884			x				
12	BỂ NƯỚC KHU XỬ LÝ RÁC THẢI- BLOC		1	28.786	28.786		23.029			x				
13	Nhà chứa rác thải		1	56.243	56.243		0			x				
14	Mái vòm liên khoa		1	37.214	37.214		0			x				
15	Nhà để xe bệnh nhân		1	7.920	7.920		0			x				
16	Nhà để xe BN		1	42.388	42.388		0			x				
17	Nhà vòm lối đi khoa nội		1	26.523	26.523		0			x				
18	Bộ máy vi tính		2	22.560	22.560		0			x				
19	Bộ máy vi tính		1	11.280	11.280		0			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
20	Máy vi tính để bàn (Loại 1)		1	12.896	12.896		0			x				
21	Máy vi tính để bàn (Loại 1)		1	12.896	12.896		0			x				
22	Máy vi tính để bàn (Loại 1)		1	12.896	12.896		0			x				
23	Máy vi tính để bàn (Loại 1)		1	12.896	12.896		0			x				
24	Máy vi tính để bàn (Loại 1)		1	12.896	12.896		0			x				
25	Máy vi tính để bàn (Loại 1)		1	12.896	12.896		0			x				
26	Máy vi tính để bàn (Loại 1)		1	12.896	12.896		0			x				
27	Máy vi tính để bàn (Loại 1)		1	12.896	12.896		0			x				
28	Máy vi tính để bàn (Loại 1)		1	12.896	12.896		0			x				
29	Máy vi tính để bàn (Loại 1)- Thư viện		1	12.896	12.896		0			x				
30	Máy vi tính để bàn (Loại 1)- Thư viện		1	12.896	12.896		0			x				
31	Máy vi tính để bàn (Loại 1)		1	12.896	12.896		0			x				
32	Máy vi tính để bàn (Loại 1)		1	12.896	12.896		0			x				
33	Máy vi tính để bàn (Loại 1)- X Quang		1	12.896	12.896		0			x				
34	Máy vi tính để bàn (Loại 1)		1	12.896	12.896		0			x				
35	Bộ máy vi tính		1	14.840	14.840		0			x				
36	Bộ máy vi tính		1	14.840	14.840		0			x				
37	Bộ máy vi tính		1	14.840	14.840		0			x				
38	Bộ máy vi tính		1	14.840	14.840		0			x				
39	Bộ máy vi tính		1	14.840	14.840		0			x				
40	Bộ máy vi tính		1	14.840	14.840		0			x				
41	Bộ máy vi tính		1	14.840	14.840		0			x				
42	Bộ máy vi tính		1	14.840	14.840		0			x				
43	Bộ máy vi tính		1	14.840	14.840		0			x				
44	Bộ máy vi tính		1	14.840	14.840		0			x				
45	Bộ máy vi tính		1	14.840	14.840		0			x				
46	Bộ máy vi tính		1	14.840	14.840		0			x				
47	Bộ máy vi tính		1	14.840	14.840		0			x				
48	Bộ máy vi tính		1	14.840	14.840		0			x				
49	Bộ máy vi tính		1	14.840	14.840		0			x				
50	Bộ máy vi tính - Santak		1	11.983	11.983		0			x				
51	Bộ máy vi tính - Santak (DP)		1	11.983	11.983		0			x				
52	Bộ máy vi tính - Santak (DP)		1	11.983	11.983		0			x				
53	Bộ máy vi tính - Santak (DP)		1	11.983	11.983		0			x				
54	Bộ máy vi tính - Santak (DP)		1	11.983	11.983		0			x				
55	Bộ máy vi tính - Santak (DP)		1	11.983	11.983		0			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
56	Bộ máy vi tính - Santak (DP)		1	11.983	11.983		0			x				
57	Bộ máy vi tính - Santak (DP)		1	11.983	11.983		0			x				
58	Bộ máy vi tính - Santak (DP)		1	11.983	11.983		0			x				
59	Bộ máy vi tính - Santak (DP)		1	11.983	11.983		0			x				
60	Bộ máy vi tính - Santak		1	11.983	11.983		0			x				
61	Bộ máy vi tính - Santak		1	11.983	11.983		0			x				
62	Bộ máy vi tính - Santak (DP)		1	11.983	11.983		0			x				
63	Bộ máy vi tính - Santak (DP)		1	11.983	11.983		0			x				
64	Bộ máy vi tính DELL		1	11.200	11.200		0			x				
65	Bộ máy vi tính Dell		1	11.200	11.200		0			x				
66	Bộ máy vi tính Dell (PT1)		1	11.200	11.200		0			x				
67	Bộ máy vi tính Dell		1	11.200	11.200		0			x				
68	Bộ máy Vi tính Dell		1	11.200	11.200		0			x				
69	Bộ máy vi tính DELL(Hùng)		1	11.200	11.200		0			x				
70	Bộ máy vi tính + máy in 2900(Cty DHG tặng)		1	7.900	7.900		0			x				
71	Máy tính xách tay Asus		1	12.870	12.870		0			x				
72	Máy vi tính xách tay		1	31.299	31.299		6.907			x				
73	Vi tính xách tay		1	25.000	25.000		0			x				
74	Máy in HP Laserjet Pro M402D		1	6.150	6.150		0			x				
75	Máy in HP Laserjet Pro M402D(DP)		2	12.300	12.300		0			x				
76	Máy in Canon LBP 2900 (DP)		1	2.900	2.900		0			x				
77	Máy in Laser HP Laserjet Pro M706N		1	25.700	25.700		0			x				
78	Máy in Canon LBP 2900 (BS.Hường)		1	2.900	2.900		0			x				
79	Máy in Canon LBP 2900 (Thảo VT)		1	2.900	2.900		0			x				
80	Máy in HP Laserjet Pro M402D		2	12.300	12.300		0			x				
81	Máy in HP Laserjet Pro M402D		2	12.300	12.300		0			x				
82	Máy in HP Laserjet Pro M402D(Phòng thu2)		1	6.150	6.150		0			x				
83	Máy in Laser HP-Mỹ		1	5.000	5.000		0			x				
84	Máy in HP Pro 401DN		1	10.120	10.120		0			x				
85	Máy in HP Pro 401DN		1	10.120	10.120		0			x				
86	Máy in HP Pro 401DN		1	10.120	10.120		0			x				
87	Máy in HP Pro M401DN		2	20.240	20.240		0			x				
88	Máy in HP Pro 401DN		1	10.120	10.120		0			x				
89	Máy in HP Pro 401DN		1	8.150	8.150		0			x				
90	Máy in Laser trắng đen HP LaserJet Pro 400 Printer M402DN(Thư viện)		1	7.937	7.937		0			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
91	Máy in Laser trắng đen HP LaserJet Pro 400 Printer M402DN		1	7.937	7.937		0			x				
92	Máy in Laser trắng đen HP LaserJet Pro 400 Printer M402DN		1	7.937	7.937		0			x				
93	Máy in Laser trắng đen HP LaserJet Pro 400 Printer M402DN		2	15.873	15.873		0			x				
94	Máy in Laser trắng đen HP LaserJet Pro 400 Printer M402DN		1	7.937	7.937		0			x				
95	Máy in Laser trắng đen HP LaserJet Pro 400 Printer M402DN		1	7.937	7.937		0			x				
96	Máy in Laser trắng đen HP LaserJet Pro 400 Printer M402DN		1	7.937	7.937		0			x				
97	Máy in Laser trắng đen HP LaserJet Pro 400 Printer M402DN		2	15.873	15.873		0			x				
98	Máy in Laser trắng đen HP LaserJet Pro 400 Printer M402DN		1	7.937	7.937		0			x				
99	Máy in Laser trắng đen HP LaserJet Pro 400 Printer M402DN(BS Tuần)		1	7.937	7.937		0			x				
100	Máy in kim Epson LQ-310		2	12.353	12.353		0			x				
101	Máy in Canon 2900		1	3.200	3.200		0			x				
102	Máy in Canon 2900(Lệ)		1	3.200	3.200		0			x				
103	Máy Photocopy Sharp(Đào)		1	58.934	58.934		0			x				
104	Máy photo Konica Minolta		1	69.800	69.800		0			x				
105	Máy điều hòa Misumishi Electric 13VD(1n5) - 3 cái		3	24.420	24.420		0			x				
106	Máy điều hòa Mitshubishi Electric		1	8.900	8.900		0			x				
107	Dàn máy điều hòa nhiệt độ hiệu DAIKIN (02 cái)		2	48.500	48.500		0			x				
108	Máy điều hòa nhiệt độ Nagakawa (2HP)		2	34.540	34.540		8.635			x				
109	Máy điều hòa nhiệt độ Nagakawa		2	34.540	34.540		8.635			x				
110	Máy điều hòa nhiệt độ Nagakawa		1	19.700	19.700		4.925			x				
111	Máy điều hòa nhiệt độ Nagakawa		1	19.700	19.700		4.925			x				
112	Máy điều hòa nhiệt độ Mitsubishi		1	13.500	13.500		10.125			x				
113	Máy điều hòa 2HP		1	13.180	13.180		0			x				
114	Máy điều hòa 2HP(DP)		1	13.180	13.180		0			x				
115	Máy móc thiết bị văn phòng YTX		1	95.432	95.432		0			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
116	THIẾT BỊ MÁY ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ-BLOC		1	295.634	295.634		177.380			x				
117	Hệ thống xếp hàng- gọi số tự động		1	46.189	46.189		0			x				
118	Hệ thống xếp hàng- gọi số tự động		1	25.952	25.952		0			x				
119	Hệ thống xếp hàng- gọi số tự động		1	48.448	48.448		0			x				
120	Hệ thống gọi y tá tự động		1	19.030	19.030		0			x				
121	Máy chiếu EB-22650 Nhật bản		1	30.000	30.000		0			x				
122	Máy lọc nước 2 vòi nóng lạnh PACIFIC		1	5.000	5.000		0			x				
123	Máy lọc nước 2 vòi nóng lạnh PACIFIC		1	5.000	5.000		0			x				
124	Ti vi Sam sung 43inh		1	9.800	9.800		0			x				
125	Máy ảnh kỹ thuật số		1	4.900	4.900		0			x				
126	Máy ảnh kỹ thuật số		1	16.367	16.367		0			x				
127	Tủ lạnh 160 lít		1	8.212	8.212		0			x				
128	Tủ lạnh 160 lít		1	8.212	8.212		0			x				
129	Máy giặt LG16 kg		1	13.400	13.400		0			x				
130	Máy giặt LG16 kg		1	13.400	13.400		0			x				
131	Bàn cong hội trường(6 cái)		6	5.940	5.940		0			x				
132	Bộ bàn ghế họp Hội trường(15 bàn+45 ghế)		15	11.974	11.974		0			x				
133	Bàn họp Hội trường (22 cái)		22	21.780	21.780		0			x				
134	Bục để tượng Bác		1	1.485	1.485		0			x				
135	Bục nói chuyện		1	2.063	2.063		0			x				
136	Ghế tựa Hội trường(62 cái)		62	16.880	16.880		0			x				
137	Máy móc thiết bị văn phòng DF		1	381.442	381.442		0			x				
138	Máy móc thiết bị chuyên dùng DF		1	344.194	344.194		0			x				
139	THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ RÁC THẢI (LÒ ĐỐT) - BLOC		1	1.357.478	1.357.478		1.085.982			x				
140	Máy چرا hộp sọ(Dùng sạc pin)		1	21.150	21.150		0			x				
141	Bộ Trung phẫu		1	21.000	21.000		0			x				
142	Va ly đựng dụng cụ pháp y		1	700	700		0			x				
143	Máy đo điện não vi tính		1	418.000	418.000		0			x				
144	Máy châm cứu		1	832	832		0			x				
145	Máy sóng ngắn điều trị		1	475.879	475.879		0			x				
146	Máy điện từ trường điều trị		1	375.032	375.032		0			x				
147	Máy Laser điều trị 25W		1	123.694	123.694		0			x				
148	Giường cấp cứu đa năng		6	1.195.719	1.195.719		0			x				
149	Hệ thống lọc nước 2000 Lit		2	1.040.240	1.040.240		624.144			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
150	Máy giúp thở chức năng cao xâm nhập và không xâm nhập		1	641.330	641.330		0			x				
151	Máy giúp thở		1	248.747	248.747		0			x				
152	Máy giúp thở		1	67.710	67.710		0			x				
153	Bơm truyền dịch tự động		2	75.842	75.842		0			x				
154	Giường hồi sức cấp cứu đa năng		1	272.588	272.588		0			x				
155	Giường hồi sức đa năng		6	132.673	132.673		0			x				
156	Đèn điều trị vàng da		1	26.747	26.747		0			x				
157	Máy điện tim 3 cần		1	38.900	38.900		0			x				
158	Bơm tiêm điện		3	92.036	92.036		0			x				
159	Bộ đặt nội khí quản 3 lưỡi		4	22.452	22.452		0			x				
160	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số		1	111.533	111.533		0			x				
161	Máy bơm tiêm điện		2	60.912	60.912		0			x				
162	Máy điện tim 3 cần		1	32.743	32.743		0			x				
163	Máy hút điện		1	26.194	26.194		0			x				
164	Bộ mở khí quản		1	27.026	27.026		0			x				
165	Giường hồi sức đa năng		5	491.138	491.138		0			x				
166	Máy siêu âm đen trắng 2 đầu dò kèm máy in có xe đẩy		1	236.994	236.994		0			x				
167	Monitor theo dõi bệnh nhân 7 thông số		2	374.985	374.985		0			x				
168	Monitor theo dõi bệnh nhân		1	79.740	79.740		0			x				
169	Máy phân tích huyết học tự động 19TS		1	240.000	240.000		0			x				
170	Máy hút điện		2	52.388	52.388		0			x				
171	Máy siêu âm xách tay		1	178.086	178.086		0			x				
172	Đèn khe khám mắt		1	67.001	67.001		0			x				
173	Máy điện tim 3 cần		1	38.900	38.900		0			x				
174	Bộ tiểu phẫu		4	19.957	19.957		0			x				
175	Máy điện tim 3 cần		1	32.743	32.743		0			x				
176	Bộ đặt nội khí quản 3 lưỡi		1	5.613	5.613		0			x				
177	Ghế và thiết bị răng		1	122.120	122.120		0			x				
178	Máy lọc nước uống trực tiếp 3 vòi nóng lạnh		59	1.590.935	1.590.935		954.561			x				
179	Lồng ấp trẻ sơ sinh		1	267.750	267.750		0			x				
180	Bơm truyền dịch tự động		1	37.921	37.921		0			x				
181	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng		1	1.837.500	1.837.500		0			x				
182	Monitor theo dõi bệnh nhân 7 thông số		1	187.492	187.492		0			x				
183	Monitor 6 thông số(Thanh)		1	88.000	88.000		0			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
184	Máy gây mê kèm thở + máy nén khí		1	269.035	269.035		0			x				
185	Bàn mổ vụn năng thủy lực		1	75.848	75.848		0			x				
186	Bộ khám điều trị TMH		1	361.519	361.519		0			x				
187	Nồi hấp 75 lít chạy điện		2	207.473	207.473		0			x				
188	Máy hút điện		1	26.194	26.194		0			x				
189	Monitor phòng mổ 6 thông số		1	153.318	153.318		0			x				
190	Dao mổ điện 300WHF		1	308.715	308.715		0			x				
191	Máy phun dung dịch khử trùng phòng mổ		1	118.497	118.497		0			x				
192	Bộ dụng cụ phẫu thuật tiêu hóa		1	113.819	113.819		0			x				
193	Bộ dụng cụ phẫu thuật chân xương cmin		1	145.003	145.003		0			x				
194	Bộ tiểu phẫu		1	4.989	4.989		0			x				
195	Đèn mổ di động>=60.000lux có ắc quy		1	74.840	74.840		0			x				
196	Bơm truyền dịch tự động(Hoe)		1	37.921	37.921		0			x				
197	Máy hút dịch, đờm		1	32.389	32.389		0			x				
198	Máy điện tim(Chiến)		1	38.900	38.900		0			x				
199	Bơm tiêm điện		1	30.679	30.679		0			x				
200	Máy điện tim 3 cần		1	32.743	32.743		0			x				
201	Xe lăn ngồi trẻ em		1	4.200	4.200		0			x				
202	Máy rửa dạ dày		1	12.300	12.300		0			x				
203	Máy súc rửa dạ dày Model 7D		1	11.655	11.655		0			x				
204	Máy sản xuất nước tinh khiết (RO)		1	87.890	87.890		52.734			x				
205	Máy siêu âm màu 4D		1	747.500	747.500		0			x				
206	Bơm tiêm điện		1	30.679	30.679		0			x				
207	Nồi hấp 75 lít chạy điện		1	103.737	103.737		0			x				
208	Máy hút điện		1	26.194	26.194		0			x				
209	Monitor sản khoa		1	49.833	49.833		0			x				
210	Máy sưởi ẩm trẻ sơ sinh		1	55.912	55.912		0			x				
211	Bơm truyền dịch tự động		1	37.921	37.921		0			x				
212	Máy soi cổ tử cung có hệ thống TV		1	153.485	153.485		0			x				
213	Máy siêu âm(Tâm)		1	243.625	243.625		0			x				
214	Máy phân tích sinh hóa bán tự động		1	160.000	160.000		0			x				
215	Máy hút dịch đờm		1	32.389	32.389		0			x				
216	Máy hút điện		1	26.194	26.194		0			x				
217	Máy điện tim 3 cần		1	32.743	32.743		0			x				
218	NỒI HẤP TIẾT TRÙNG TỰ ĐỘNG 530 LÍT (CÓ SẤY KHÔ TỰ ĐỘNG)		1	410.500	410.500		123.150			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
219	MÁY GÂY MÊ KÈM THỞ		1	714.300	714.300		214.290			x				
220	MÁY THEO DÕI SẢN KHOA		1	124.800	124.800		37.440			x				
221	MÁY KÉO GIẢN CỎ, CỘT SỐNG		1	194.500	194.500		58.350			x				
222	BƠM TIỀM ĐIỆN TỰ ĐỘNG		1	31.800	31.800		9.540			x				
223	MÁY HÚT DỊCH (Có xe đẩy)		2	65.600	65.600		19.680			x				
224	MÁY HÚT DỊCH (Có xe đẩy)		1	32.800	32.800		9.840			x				
225	MÁY HÚT DỊCH (Có xe đẩy)		1	32.800	32.800		9.840			x				
226	MÁY HÚT DỊCH (Có xe đẩy)		1	32.800	32.800		9.840			x				
227	MÁY ĐIỆN TIM		1	45.000	45.000		13.500			x				
228	MÁY ĐIỆN TIM		1	45.000	45.000		13.500			x				
229	MÁY ĐIỆN TIM		1	45.000	45.000		13.500			x				
230	MÁY ĐIỆN TIM		1	45.000	45.000		13.500			x				
231	MÁY TRUYỀN DỊCH		1	44.500	44.500		13.350			x				
232	MÁY TRUYỀN DỊCH		2	89.000	89.000		26.700			x				
233	MÁY TRUYỀN DỊCH		2	89.000	89.000		26.700			x				
234	MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA		1	48.000	48.000		14.400			x				
235	Máy siêu âm tổng quát Doppler màu		1	1.383.900	1.383.900		553.560			x				
236	Tủ an toàn sinh học		1	286.000	286.000		114.400			x				
237	Máy phân tích miễn dịch tự động		1	1.949.000	1.949.000		779.600			x				
238	Máy CT-Scanner 16 slide + ốp chì phòng CT		1	14.347.000	14.347.000		5.738.800			x				
239	Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng		1	3.590.000	3.590.000		1.436.000			x				
240	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động		1	1.916.000	1.916.000		766.400			x				
241	Máy đo chức năng hô hấp		1	189.000	189.000		75.600			x				
242	Đèn mô treo trần >= 120.000lux		2	793.000	793.000		317.200			x				
243	Bàn mổ đa năng điện, thủy lực		2	400.000	400.000		160.000			x				
244	Máy chạy thận nhân tạo		2	868.000	868.000		260.400			x				
245	Máy phun thuốc chống dịch		3	52.500	52.500		36.750			x				
246	GIƯỜNG BỆNH NHÂN INOX		10	36.500	36.500		25.550			x				
247	GIƯỜNG BỆNH NHÂN INOX		5	18.250	18.250		12.775			x				
248	GIƯỜNG BỆNH NHÂN INOX		5	18.250	18.250		12.775			x				
249	GIƯỜNG BỆNH NHÂN INOX		10	36.500	36.500		25.550			x				
250	MÁY PHÂN TÍCH ĐIỆN GIẢI ĐỘ		1	110.000	110.000		77.000			x				
251	MÁY XN HUYẾT HỌC 24 THÔNG SỐ		1	446.800	446.800		312.760			x				
252	LỒNG ÁP TRẺ SƠ SINH		1	316.500	316.500		221.550			x				
253	MÁY SIÊU ÂM TỔNG QUÁT 4D		1	1.750.000	1.750.000		1.225.000			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
254	NỒI HẤP TIẾT TRÙNG NHIỆT ĐỘ THẤP		1	2.990.000	2.990.000		2.093.000			x				
255	GHẾ NHA KHOA		1	730.000	730.000		511.000			x				
256	MONITOR THEO DÕI BỆNH NHÂN 7 THÔNG SỐ		2	440.000	440.000		308.000			x				
257	MÁY THẬN NHÂN TẠO		2	940.000	940.000		658.000			x				
258	HỆ THỐNG NỘI SOI TAI MŨI HỌNG		1	600.000	600.000		420.000			x				
259	Máy phân tích miễn dịch huỳnh quang		1	59.850	59.850		42.630			x				
260	Máy siêu âm tổng quát 3 đầu dò		1	1.430.000	1.430.000		1.138.750			x				
261	Máy soi cổ tử cung		1	258.000	258.000		201.150			x				
262	Máy theo dõi sản khoa 2 chức năng		1	160.000	160.000		122.750			x				
263	Đèn điều trị vàng da		1	165.000	165.000		126.750			x				
264	Đèn điều trị vàng da		1	165.000	165.000		126.750			x				
265	Monitor theo dõi bệnh nhân 6 thông số có IBP		4	688.000	688.000		545.150			x				
266	Giường hồi sức đa năng		1	103.000	103.000		72.100			x				
267	Giường hồi sức đa năng		5	515.000	515.000		360.500			x				
268	Máy gây mê kèm thở		1	678.000	678.000		474.600			x				
269	Máy siêu âm trị liệu		1	108.000	108.000		75.600			x				
270	Máy sắc thuốc đóng gói tự động 3 nõi		1	130.000	130.000		91.000			x				
271	Bơm tiêm điện		2	60.000	60.000		42.000			x				
272	Bơm tiêm điện		4	120.000	120.000		84.000			x				
273	Máy điện tim 3 kênh		1	80.000	80.000		56.000			x				
274	Máy điện tim 3 kênh		1	80.000	80.000		56.000			x				
275	Máy điện tim 3 kênh		1	80.000	80.000		56.000			x				
276	Máy chủ (Server)		1	198.000	198.000		138.600			x				
277	Máy phân tích điện giải Na+, K+, Cl+, Ca+, Ph-		1	68.000		68.000	61.200			x				
278	Máy định danh và đo tải lượng virus, vi khuẩn GeneXpert		1	327.101		327.101	294.391			x				
279	Bộ lưu điện cho máy GeneXpert		1	37.350		37.350	33.615			x				
280	Máy xét nghiệm nước tiểu bán tự động		1	20.620	20.620		16.496			x				
281	Máy siêu âm tổng quát (4 đầu dò)		1	1.010.000	1.010.000		909.000			x				
282	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động		1	1.144.600	1.144.600		1.030.140			x				
283	Tủ lạnh trữ máu		1	6.850	6.850		0			x				
284	Máy phân tích khí trong máu		1	244.228	244.228		0			x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Nguyên giá			Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
				Tổng cộng	Trong đó									
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
285	Máy li tâm đa năng≥6.000 vòng/phút		1	21.828	21.828		0			x				
286	Pipette 10-1000ul		2	102.448	102.448		0			x				
287	Tủ lạnh trữ máu 120 lít		1	109.079	109.079		0			x				
288	Tủ âm 37OC, 75 lít		1	48.147	48.147		0			x				
289	Bộ nội soi dạ dày ống mềm		1	430.450	430.450		0			x				
290	Bộ nội soi trực tràng loại ống cứng		1	402.785	402.785		0			x				
291	Máy ly tâm máu		1	59.500	59.500		0			x				
292	Máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số		1	38.000	38.000		0			x				
293	Máy in phun màu Epson T60 + Card hình C725		1	8.100	8.100		1.418			x				
294	Máy phân tích huyết học 18TS		1	225.743	225.743		0			x				
295	Máy phân tích điện giải Na, K, Cl		1	120.297	120.297		0			x				
296	Máy rửa phim tự động JP33		1	94.875	94.875		0			x				
297	Máy XQ KỸ THUẬT SỐ		1	2.399.990	2.399.990		1.439.994			x				
298	Máy XQ nha khoa		1	24.150	24.150		0			x				
299	THIẾT BỊ PCCC - BLOC		1	1.481.048	1.481.048		1.184.838			x				
300	Máy giặt vắt tự động 55kg		1	808.500	808.500		0			x				
301	Lò đốt chất thải rắn y tế		1	666.660	666.660		0			x				
302	Hệ thống xử lý nước thải và chất thải rắn		1	8.885.475	8.885.475		0			x				
303	Phần mềm kế toán Misa		1	9.500	9.500		0			x				
304	Phần mềm Quản lý bệnh viện VIIMES		1	250.000	250.000		0			x				

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)



Đoàn Vũ Bích Thủy

Ngày 23 tháng 01 năm 2026
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Thái Thị Ngọc An